

Số: 159/BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 17 tháng 7 năm 2018

## BÁO CÁO

### Công khai tình hình thực hiện ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2018

TT CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
ĐẾN	Số: ..... 6.897.....
	Ngày: 17/7/2018.....
	Chuyên: .....

Thực hiện Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, UBND tỉnh công khai tình hình thực hiện ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2018, như sau:

#### 1. Về thu ngân sách nhà nước (chi tiết tại Mẫu số 59/CK-NSNN, Mẫu số 60/CK-NSNN):

Ước thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn 6 tháng đầu năm 2018 đạt 9.386 tỷ đồng, bằng 64% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 117% so với cùng kỳ năm 2017, trong đó:

a) Thu nội địa ước đạt 8.278 tỷ đồng, bằng 59% dự toán HĐND giao, bằng 109% so với cùng kỳ năm 2017.

10 khoản thu đảm bảo tiến độ thu theo dự toán HĐND tỉnh giao:

- Thu từ doanh nghiệp nhà nước ước đạt 6.279 tỷ đồng, bằng 62% dự toán năm, bằng 107% so với cùng kỳ năm 2017.

- Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 170 tỷ đồng, bằng 55% dự toán năm, bằng 129% so với cùng kỳ năm 2017.

- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh ước đạt 792 tỷ đồng, bằng 51% dự toán năm, bằng 123% so với cùng kỳ năm 2017.

- Thuế thu nhập cá nhân ước đạt 166 tỷ đồng bằng 49% dự toán năm; thuế bảo vệ môi trường ước đạt 292 tỷ đồng, bằng 56% dự toán năm; Thu phí, lệ phí ước đạt 62 tỷ đồng, bằng 59% dự toán năm; Thu cấp quyền khai thác khoáng sản ước đạt 39 tỷ đồng, bằng 102% dự toán năm; Lệ phí trước bạ 81 tỷ đồng bằng 51% dự toán năm; Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết ước đạt 52 tỷ đồng, bằng 74% dự toán năm; Thu khác ước đạt 127 tỷ đồng, bằng 94% dự toán năm.

2 khoản thu chưa đảm bảo tiến độ thu theo dự toán HĐND tỉnh giao: Khoản thu về nhà đất ước đạt 204 tỷ đồng, bằng 31% dự toán năm; thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản, ... tại xã ước đạt 5,7 tỷ đồng, bằng 26% dự toán năm.

b) Thu hoạt động xuất nhập khẩu: Ước đạt 1.108 tỷ đồng, bằng 165% so dự toán năm và bằng 267% so với cùng kỳ năm 2017.

## **2. Về chi ngân sách địa phương (chi tiết tại Mẫu số 59/CK-NSNN, Mẫu số 61/CK-NSNN)**

2.1. Ước chi cân đối ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2018 là 4.534 tỷ đồng, bằng 37% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 116% so với cùng kỳ năm 2017, trong đó:

a) Chi đầu tư phát triển ước đạt 1.332 tỷ đồng, bằng 44% so dự toán năm.

b) Chi thường xuyên ước đạt 3.201 tỷ đồng, bằng 40% so dự toán năm, trong đó:

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề ước đạt 1.224 tỷ đồng, bằng 41% dự toán năm.

- Chi đảm bảo xã hội ước đạt 389 tỷ đồng, bằng 74% dự toán năm.

- Các khoản chi đạt thấp như: chi sự nghiệp môi trường ước đạt 37 tỷ đồng, bằng 21% dự toán năm; chi sự nghiệp khoa học và công nghệ ước đạt 6,8 tỷ đồng, bằng 19% dự toán năm; chi sự nghiệp y tế ước đạt 251 tỷ đồng, bằng 27% dự toán năm; chi sự nghiệp kinh tế ước đạt 246 tỷ đồng, bằng 19% dự toán năm.

c) Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 1,14 tỷ đồng.

2.2. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP 760 tỷ đồng, bằng 42% dự toán năm; chủ yếu chi thực hiện các chương trình dự án quan trọng 613 tỷ đồng bằng 50% dự toán năm.

Nhìn chung, chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2018 được tổ chức quản lý theo đúng quy định cơ chế phân cấp hiện hành. Các ngành, các cấp đã triển khai tích cực, điều hành ngân sách bám sát dự toán được giao; tập trung thực hiện các chính sách cho con người, chính sách an sinh xã hội; đảm bảo cân đối nguồn để thực hiện các nhiệm vụ chi theo dự toán; đồng thời, bổ sung chi một số nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao./.

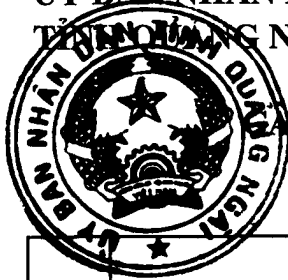
### **Nơi nhận:**

- Bộ Tài chính (b/cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư;
- VPUB: PCVP, các ph N/cứu, CBTH;
- Lưu: VT, KT.dat359.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Trần Ngọc Căng**



AN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG NĂM 2018

ĐVT: triệu đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2018	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>14.655.000</b>	<b>9.386.291</b>	<b>64%</b>	<b>117%</b>
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSNN</b>	<b>14.655.000</b>	<b>9.386.291</b>	<b>64%</b>	<b>117%</b>
1	Thu nội địa (không kể thu từ dầu thô)	13.985.000	8.278.067	59%	109%
2	Thu từ dầu thô		0		
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	670.000	1.108.224	165%	267%
4	Thu viện trợ		0		
<b>II</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>				
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>13.988.686</b>	<b>5.294.321</b>	<b>38%</b>	<b>135%</b>
<b>I</b>	<b>Chi cân đối NSDP</b>	<b>12.199.382</b>	<b>4.534.140</b>	<b>37%</b>	<b>116%</b>
1	Chi đầu tư phát triển	3.046.950	1.331.928	44%	167%
2	Chi thường xuyên	7.970.082	3.201.072	40%	103%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương	67			
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.140	1.140	100%	
5	Chi dự phòng ngân sách	240.888			
6	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	940.255			
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho</b>	<b>1.789.304</b>	<b>760.181</b>	<b>42%</b>	<b>307%</b>
<b>C</b>	<b>BỘI CHI NSNN/BỘI THU NSDP</b>				
<b>D</b>	<b>CHI TRẢ NỢ GỐC</b>				

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG NĂM 2018

DVT: triệu đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2018	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN	
				DỰ TOÁN	CÙNG KỲ
A	B	1	2	3=2/1	4
	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (A)+(B)</b>	<b>14.655.000</b>	<b>9.386.291</b>	<b>64%</b>	<b>117%</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>13.985.000</b>	<b>8.278.067</b>	<b>59%</b>	<b>109%</b>
1	Thu từ DNNN	10.081.000	6.278.515	62%	107%
2	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	310.000	170.134	55%	129%
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.540.000	791.561	51%	123%
4	Thuế thu nhập cá nhân	340.000	165.987	49%	102%
5	Thuế bảo vệ môi trường	520.000	292.144	56%	117%
6	Lệ phí trước bạ	160.000	81.001	51%	123%
7	Thu phí, lệ phí	105.000	61.589	59%	106%
8	Các khoản thu về nhà, đất	664.000	203.859	31%	79%
	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>		10		15%
	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	4.600	3.339	73%	161%
	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	600.000	175.575	29%	75%
	<i>Thu cho thuê mặt đất, mặt nước</i>	59.400	24.698	42%	107%
	<i>Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</i>		237		36%
9	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	38.000	38.832	102%	158%
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của DNNN		9.846		
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	70.000	51.850	74%	157%
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản,... tại xã	22.000	5.672	26%	68%
13	Thu khác	135.000	127.077	94%	218%
<b>II</b>	<b>Thu từ dầu thô</b>				
<b>III</b>	<b>Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu</b>	<b>670.000</b>	<b>1.108.224</b>	<b>165%</b>	<b>267%</b>
1	Thuế giá trị gia tăng hàng hoá nhập khẩu	555.000	709.033	128%	205%
2	Thuế xuất khẩu	87.000	66.334	76%	126%
3	Thuế nhập khẩu	28.000	332.710	1188%	2112%
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu		39		1950%
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng nhập khẩu				0%
6	Thu khác		108		56%
<b>IV</b>	<b>Thu viện trợ</b>				
<b>B</b>	<b>THU NSĐP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>	<b>12.044.382</b>	<b>7.112.049</b>	<b>59%</b>	<b>117%</b>
1	Các khoản thu phân chia NSĐP hưởng theo tỷ lệ 88%	10.898.782	6.552.104	60%	
2	Các khoản thu NSĐP hưởng 100%	1.145.600	559.945	49%	

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG NĂM 2018

ĐVT: triệu đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2018	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (A+B)</b>	<b>13.988.686</b>	<b>5.294.321</b>	<b>38%</b>	<b>127%</b>
<b>A</b>	<b>Chi cân đối ngân sách địa phương</b>	<b>12.199.382</b>	<b>4.534.140</b>	<b>37%</b>	<b>116%</b>
I	Chi đầu tư phát triển	3.046.950	1.331.928	44%	167%
1	Chi đầu tư cho các dự án	3.016.950	1.301.928	43%	163%
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác	30.000	30.000	100%	
II	Chi thường xuyên	7.970.082	3.201.072	40%	103%
	<i>Trong đó :</i>				
1	Chi sự nghiệp Giáo dục-đào tạo-dạy nghề	2.952.097	1.224.453	41%	106%
2	Chi sự nghiệp Khoa học và công nghệ	35.646	6.836	19%	120%
3	Chi sự nghiệp Y tế, dân số và gia đình	913.800	251.234	27%	123%
4	Chi sự nghiệp Văn hóa-thể thao-du lịch	171.201	48.770	28%	138%
5	Chi sự nghiệp Phát thanh-truyền hình	40.256	19.135	48%	99%
6	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	172.979	36.602	21%	97%
7	Chi sự nghiệp kinh tế	1.300.328	246.110	19%	78%
8	Chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	1.560.543	791.217	51%	103%
9	Chi đảm bảo xã hội	529.214	389.081	74%	92%
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	67			
IV	Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính	1.140	1.140	100%	100%
V	Chi dự phòng ngân sách	240.888			
VI	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	940.255			
<b>B</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP</b>	<b>1.789.304</b>	<b>760.181</b>	<b>42%</b>	<b>307%</b>
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	478.669	125.965	26%	
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	1.226.524	613.189	50%	
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	84.111	21.028	25%	